

Bản án số: 233/2024/HNGĐ-ST
Ngày 30 - 8 - 2024
“V/v xin ly hôn”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ CÀ MAU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Út

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Huỳnh Minh Bền

Bà Nguyễn Thị Ngọc Diệp

- Thư ký phiên tòa: Bà Huỳnh Ngọc Mai – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Cà Mau.

Ngày 30 tháng 8 năm 2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Cà Mau, xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 389/2024/TLST-HNGĐ ngày 02 tháng 7 năm 2024 về việc “xin ly hôn”, theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 270/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 08 tháng 8 năm 2024 giữa các đương sự:

-Nguyên đơn: Chị **Bùi Thanh N**. Sinh năm: 1989 (có mặt).

Địa chỉ cư trú: **Ấp C, xã Đ, thành phố C, tỉnh Cà Mau.**

-Bị đơn: Anh **Nguyễn Quốc Sách A**. Sinh năm: 1988 (vắng mặt).

Địa chỉ cư trú: **Ấp C, xã T, thành phố C, tỉnh Cà Mau.**

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án được bổ sung tại phiên tòa nguyên đơn trình bày:

- Về hôn nhân: Chị và anh **Nguyễn Quốc S** Anh tự nguyện chung sống vào năm 2010, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Đ, thành phố C theo Giấy chứng nhận đăng ký kết hôn số 06/2010 ngày 25/01/2010. Thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc. Tuy nhiên, thời gian sau đó do anh **Sách A** chỉ lo ăn chơi, không lo cho gia đình vợ con, từ đó vợ chồng bắt đầu quan điểm, thường xuyên cự cãi, mặc dù gia đình đã hàn gắn cho anh chị nhưng không được, vợ chồng đã sống ly thân từ năm 2018 đến nay, mỗi người có cuộc sống riêng không ai quan tâm đến ai. Chị nhận thấy cuộc sống chung của vợ chồng đã mâu thuẫn trầm trọng, không còn hạnh phúc, tình cảm vợ chồng không còn nên xin ly hôn với anh **Sách A**.

- Về con chung: Chị và anh **Sách A** có một người con chung tên **Nguyễn Thị Hạnh D**, sinh 09/7/2011, hiện con chung đang sống với chị, khi ly hôn chị yêu cầu được nuôi con, không yêu cầu cấp dưỡng.

- *Về tài sản chung*: Chị xác định quá trình chung sống vợ chồng không có tài sản chung nên không yêu cầu giải quyết.

- *Về nợ chung*: Chị xác định quá trình chung sống vợ chồng không có nợ ai cũng không ai nợ lại vợ chồng.

Đối với anh Nguyễn Quốc S Anh mặc dù đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng như: Thông báo về việc thụ lý vụ án; Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải; Quyết định đưa vụ án ra xét xử; Quyết định hoãn phiên tòa và Giấy triệu tập xét xử. Tuy nhiên, anh Sách A vẫn vắng mặt không có lý do và không có văn bản nêu ý kiến gửi Tòa án về các vấn đề chị N yêu cầu.

Tại phiên tòa,

Chị N giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, không yêu cầu gì khác.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp: Chị Bùi Thanh N xin ly hôn với anh Nguyễn Quốc S Anh được xác định là tranh chấp về hôn nhân và gia đình, bị đơn đang cư trú tại thành phố C nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Cà Mau theo quy định tại các Điều 28, 35, 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về thủ tục tố tụng: Bị đơn đã được tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng theo quy định nhưng bị đơn vẫn vắng mặt không có lý do nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn theo quy định tại Điều 227, 228 Bộ luật tố tụng dân sự.

[3] Về quan hệ hôn nhân: Xét yêu cầu của chị Bùi Thanh N về việc xin ly hôn với anh Nguyễn Quốc Sách A, Hội đồng xét xử nhận thấy: Hôn nhân của anh chị được xác lập trên cơ sở tự nguyện, vợ chồng chung sống với nhau vào năm 2010, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Đ, thành phố C, tỉnh Cà Mau nên quan hệ hôn nhân của anh chị là hợp pháp, được pháp luật công nhận và bảo vệ.

Xuất phát từ những mâu thuẫn trong đời sống gia đình hàng ngày nhưng anh chị không thể hàn gắn được. Tại phiên tòa chị N cho rằng hiện tại vợ chồng đã mâu thuẫn trầm trọng, anh chị đã sống ly thân từ năm 2018 đến nay, không ai quan tâm đến ai, mỗi người đều có cuộc sống riêng. Đối với anh Sách A mặc dù đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng để anh bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của anh về các vấn đề chị N yêu cầu. Tuy nhiên, trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa hôm nay anh vẫn vắng mặt không có lý do và cũng không có văn bản nêu ý kiến gửi Tòa án. Nhận thấy, tình trạng hôn nhân của anh chị đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên căn cứ vào khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình, Hội đồng xét xử có cơ sở chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị N cho chị được ly hôn với anh Nguyễn Quốc Sách A.

[4] Về con chung: Xét yêu cầu nuôi con của chị N, nhận thấy hiện nay con chung tên Nguyễn Thị Hạnh D, sinh 09/7/2011, hiện con chung đang sống với chị N và tại biên bản ghi ý kiến con chung ngày 26/8/2024 cháu D có nguyện

vọng chung sống với mẹ. Anh **Sách A** không có ý kiến gì về vấn đề con chung. Do đó, cần chấp nhận yêu cầu của chị **N** tiếp tục giao con cho chị **N** chăm sóc, nuôi dưỡng.

Về yêu cầu cấp dưỡng nuôi con: Chị **N** không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Về tài sản chung, nợ chung: Chị **N** xác định không có, không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[6] Án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Nguyên đơn phải chịu theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 56, 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ các Điều 28, 35, 39, 147, 227, 228, 273 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1/ Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu của chị **Bùi Thanh N** về việc xin ly hôn với anh **Nguyễn Quốc Sách A**.

2/ Về con chung: Tiếp tục giao con chung tên **Nguyễn Thị Hạnh D**, sinh 09/7/2011 cho chị **Bùi Thanh N** tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng, không đặt ra vấn đề cấp dưỡng nuôi con.

Anh **Nguyễn Quốc S** Anh được quyền tới lui thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung mà không ai được cản trở.

3/ Về tài sản chung: Chị **N** xác định không có nên không xem xét, giải quyết.

4/ Về nợ chung: Chị **N** xác định không có nên không xem xét, giải quyết.

5/ Án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Chị **Bùi Thanh N** phải chịu 300.000 đồng. Ngày 01/7/2024 chị **N** đã nộp tạm ứng án phí số tiền 300.000 đồng theo lai thu số 0008935 tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Cà Mau được chuyển thu nộp Ngân sách nhà nước.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nguyên đơn có mặt quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ

Trần Thị Ú

